

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH P

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày 18/4/2022

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa Phiên toà: Ông Phạm Văn T

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị H.

Ông Nguyễn Ngọc Th.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Việt H - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham phiên tòa: Bà Bùi Thị H Y - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 18 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2021/TLST- HNGĐ ngày 07/10/2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2021/QĐST- HNGĐ ngày 10/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị H**, sinh năm 2000.

Nơi ĐKKHKT: khu Đại Đình, xã Phùng N, huyện Lâm T, tỉnh P.

Chỗ ở hiện nay: SN 3, ngõ 69, khu Thùỵ Nhật, thị trấn Lâm T, huyện Lâm T, tỉnh P.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Doãn Q**, sinh năm 1996.

Nơi ĐKKHKT: khu Đại Đình, xã Phùng N, huyện Lâm T, tỉnh P.

Hiện nay anh Q đang ở tại Đà L.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Ngày 09/03/2018 chị và anh Q đăng ký kết hôn tại UBND xã Sơn Vi (nay là xã Phùng N) huyện Lâm T, tỉnh P trên cơ sở tự do tìm hiểu, lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Trong thời gian sống chung thì vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống. Đến tháng 6 năm 2018 thì anh Q đi lao động tại Đà L cho đến nay chưa về Việt Nam. Kể từ khi anh Q đi Đà L vợ chồng ít liên lạc và quan tâm đến nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung là Nguyễn Lê Hồng L, sinh ngày 07/01/2016. Hiện nay cháu L đang ở cùng với chị.

Khi ly hôn quan điểm của chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L, chị không đề nghị anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có nợ ai và không cho ai vay nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị H trình bày hiện nay chị không biết địa chỉ của anh Q tại Đà L nên chị không thể cung cấp địa chỉ của anh Q cho Tòa án được. Chị H yêu cầu Tòa án xác minh địa chỉ của anh Q tại Đà L thông qua bố mẹ đẻ của anh Q là ông Nguyễn Doãn T và bà Bùi Thị L, đều có địa chỉ ở khu Đại Đình, xã Phùng N, huyện Lâm T, tỉnh P.

Thân nhân của anh Nguyễn Doãn Q là bà Bùi Thị L trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Doãn Q. Anh Q hiện đang lao động tại Đà L. Anh Q vẫn thường xuyên gọi điện về cho bà. Anh Q chỉ nói với bà hiện đang ở Đà L nhưng không nói rõ cụ thể ở đâu nên bà không thể cung cấp địa chỉ của anh Q ở Đà L cho Tòa án được. Anh Q có nói cho gia đình biết quan điểm của anh Q vẫn mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng nếu chị H vẫn cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Về con chung nếu ly hôn quan điểm của anh Q cũng xin được nuôi con chung và không đề nghị chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh Q. Về tài sản chung anh Q xác định vợ chồng không có. Về nợ chung anh Q xác định vợ chồng có nợ chung là khoản tiền vay khi vợ chồng đi nước ngoài.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án đã tiến hành theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P đề nghị Tòa án cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Doãn Q. Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Lê H L, sinh ngày 07/01/2016. Anh Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H do chị H không yêu cầu. Anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, công nợ chung: Do chị H không đề nghị nên không giải quyết. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ.

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị H nộp đơn xin ly hôn anh Nguyễn Doãn Q tại Tòa án nhân dân tỉnh P. Trong đơn xin ly hôn, chị H trình bày hiện anh Q đang sống và làm việc tại Đà L. Tại văn bản số 23987/QLXNC-P5 ngày 15/10/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận anh Nguyễn Doãn Q đã xuất cảnh ngày 26/6/2018 và chưa nhập cảnh trở lại Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh P thụ lý

giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quan hệ tranh chấp được xác định trong vụ án là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh P đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị H.

Bị đơn anh Nguyễn Doãn Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh P đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Doãn Q là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống gia đình nên tình cảm vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị Lê Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Doãn Q.

Anh Nguyễn Doãn Q hiện đang ở nước ngoài, chị Lê Thị H chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của anh Nguyễn Doãn Q, không cung cấp được địa chỉ của anh Q ở nước ngoài cho Tòa án. Bà Bùi Thị L là mẹ đẻ của anh Nguyễn Doãn Q xác nhận anh Q hiện đang ở Đài L, anh Q vẫn thường xuyên gọi điện cho bà nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể của anh Q tại Đài L nên bà không cung cấp được địa chỉ của anh Q ở Đài L cho Tòa án. Căn cứ công văn số 253/TANDTC - PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Anh Nguyễn Doãn Q vắng mặt không có văn bản văn bản nêu quan điểm của anh Q về quan hệ hôn nhân gửi Tòa án. Bà Bùi Thị L là mẹ đẻ của anh Q có ý kiến nêu quan điểm của anh Q vẫn mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng nếu chị H vẫn cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án chị H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Q.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị H và anh Q mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ-ợc, nên việc chị Lê Thị H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Doãn Q là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Về con chung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định vợ chồng chị Lê Thị H và anh Nguyễn Doãn Q có con chung là Nguyễn Lê Hồng L, sinh ngày 07/01/2016.

Quan điểm của chị H khi ly hôn chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không đề nghị anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Anh Q vắng mặt và không có văn bản nêu quan điểm của anh Q về con chung của vợ chồng gửi Tòa án. Bà Bùi Thị L là mẹ đẻ của anh Q có ý kiến nêu quan điểm của anh Q nếu ly hôn anh Q cũng xin được nuôi con chung và không đề nghị chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh Q.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Do hiện nay anh Q đang đi lao động tại Đài L không có mặt tại địa phương nên không có đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Lê Hồng L. Mặt khác theo quy định của pháp

luật thì không thể giao con chung của chị H, anh Q cho ông Nguyễn Doãn T và bà Bùi Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh Q vắng mặt tại Việt Nam trong khi chị H là mẹ đẻ đang sinh sống tại Việt Nam, có đủ điều kiện nuôi con và có nguyện vọng xin được nuôi con. Do vậy, không thể giao cho anh Q nuôi dưỡng con chung được mà cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Lê Hồng L. Anh Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H do chị H không yêu cầu. Anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Theo chị Lê Thị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không đề nghị Tòa án giải quyết. Nhưng do hiện nay anh Q vắng mặt tại địa phương không xác định được địa chỉ nơi cư trú cụ thể và không có văn bản nêu quan điểm trình bày về tài sản chung, nợ chung. Bà Bùi Thị L là mẹ đẻ anh Q có ý kiến trình bày việc anh Q xác định vợ chồng không có tài sản chung nhưng có nợ chung là khoản tiền vay khi vợ chồng đi nước ngoài. Tuy nhiên không nêu cụ thể số tiền là bao nhiêu cũng như không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho việc này nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét giải quyết trong vụ án này.

Do vậy, về tài sản chung, nợ chung sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 179; điểm b khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Doãn Q.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cháu Nguyễn Lê Hồng L, sinh ngày 07/01/2016 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Doãn Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H do chị H không yêu cầu.

Anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000005 ngày 06/10/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh P.

Đương sự có mặt tại Việt Nam có quyền kháng cáo để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ọc Bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án đ- ọc tổng đạt hợp lệ.

Anh Nguyễn Doãn Q có quyền kháng cáo để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án đ- ọc tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND T.P;
- Cục THADS tỉnh P;
- Các đương sự;
- UBND xã Phùng N,
- H. Lâm T, T. P;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Văn T